TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS - ST
Ngày: 15/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

***- Đại diện VKS nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Phương Q.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 86/2026/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1968; CCCD: 040074016182.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Nghệ An; có mặt

- Bị đơn: 1. Anh Trần Huy T, sinh năm 1973; CCCD: 040073021382

2. Chị Vũ Thị S, sinh năm 1976; CCCD: 040176023327

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày:

Do quen biết nhau làm ăn từ trước nên ngày 28/8/2023 âm lịch tức ngày 12/10/2023 dương lịch, bà Lý Thị H có cho vợ chồng chị Vũ Thị S và anh Trần Huy T vay số tiền 680.000.000 đồng thời gian trả là tháng 8 năm 2025, nay bà H thống nhất là cuối tháng 8 (31/8/2025). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng

và có ghi trong giấy vay. Giấy vay do chị S viết và chị S, anh T cùng ký vào. Đồng thời trong ngày đó giữa bà và chị S có ký chốt nợ của các khoản vay trước đây là 68.400.000 đồng và ngày 28/7/2023 chốt nhận nợ thay là 72.000.000 đồng, đây là hai khoản khác nhau. Trong khi vay thì chị S anh T đã trả được cho bà số tiền lãi của khoản 680.000.000 đồng là 74.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu anh T chị S trả cho bà 680.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất 1,5%/tháng tính từ khi vay đến khi xét xử xong, tạm tính đến ngày 15/5/2026 là 317.220.000 đồng, tổng của khoản vay này là 997.220.000 đồng nhưng anh T chị S đã trả được 74.000.000 đồng tiền lãi nên còn nợ 923.220.000 đồng (trong đó gốc 680.000.000 đồng và lãi là 243.220.000 đồng). Đối với khoản 68.400.000 đồng và 72.000.000 đồng thì bà chỉ yêu cầu chị S trả gốc, không yêu cầu tính lãi. Như vậy bà H yêu cầu anh T chị S trả tổng số tiền 923.220.000 đồng và yêu cầu chị Vũ Thị S trả số tiền 140.400.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Vũ Thị S trình bày:

Vợ chồng chị có vay tiền của bà Lý Thị H nhiều lần trước đó, đến ngày 28/8/2023 âm lịch (tức ngày 1210/2023 dương lịch) thì vay thêm số tiền 680.000.000 đồng. Lúc đầu thỏa thuận lãi suất là 3.000đồng/1.000.000đ/ngày nhưng sau đó thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời gian trả nợ là hết tháng 8 năm 2025. Sau đó vợ chồng chị đã trả được 74.000.000 đồng tiền lãi suất đối với khoản vay 680.000.000 đồng này. Đối với khoản vay 68.400.000 đồng ngày 28/82023 và 72.000.000 đồng ngày 18/7/2023 là khoản nợ lãi của khoản vay khác không liên quan đến khoản vay 680.000.000 đồng, đây cũng là khoản vay riêng của chị. Tuy nhiên sau đó do vợ chồng làm ăn bị thua lỗ, nhiều điều không may xảy ra nên vợ chồng chị không có điều kiện để trả nợ đầy đủ cho bà H đúng hẹn. Nay chị S thống nhất vợ chồng chị nợ bà H 680.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1,5%/tháng và chị còn nợ bà H số tiền lãi của các khoản vay trước là 140.400.000 đồng. Nay bà H yêu cầu vợ chồng chị trả nợ gốc và lãi như trên thì vợ chồng chị xin trả dần nợ gốc, còn về lãi suất thì xin bà H không tính.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo cũng như giấy mời làm việc, Quyết định xét xử cho anh Trần Huy T, yêu cầu anh T có mặt, đến Tòa án để làm việc nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc thuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Huy T và chị Vũ Thị S phải trả nợ cho bà Lý Thị H. Về án phí: Buộc anh Trần Huy T và chị Vũ Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà Lý Thị H yêu cầu anh Trần Huy T và chị Vũ Thị S trả nợ gốc tiền vay và tiền nợ lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.3]. Về việc Tòa án xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Vũ Thị S và anh Trần Huy T nhưng chị S anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét giấy vay ngày 28 tháng 8 năm 2023 âm lịch tức ngày 12/10/2023 dương lịch giữa bên cho vay là bà Lý Thị H và bên vay là anh Trần Huy T và chị Vũ Thị S được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên. Nguyên đơn và bị đơn chị Vũ Thị S đều thừa nhận giấy vay do chị S viết và chị S anh B cùng ký vào. Nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 8 năm 2025 và đều thống nhất là cuối tháng 8 năm 2025 (31/8/2025); nên việc bà H làm đơn khởi kiện là đúng quy định. Trong giấy vay có ghi lãi suất là 1,5%/tháng, phù hợp với lời khai của chị S và bà H. Nên xác định đây là hợp đồng cho vay có lãi suất và có thời hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn thống nhất chị S anh T đã trả cho bà H số tiền lãi 74.000.000 đồng. Nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 680.000.000 đồng và tiền lãi là đúng quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về lãi suất, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận việc vay có lãi suất và thống

nhất mức lãi suất 1,5%/tháng. Xét thấy đây là mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 nên cần chấp nhận cho nguyên đơn về việc yêu cầu anh T và chị S trả số tiền lãi là 1,5%/tháng, tạm tính đến ngày 15/5/2026 (12/10/2023 đến ngày 15/5/2026 là: 31 tháng 03 ngày) là 317.220.000 đồng, tổng của khoản vay này là 997.220.000 đồng. Do chị S anh T đã trả được tiền lãi là 74.000.000 đồng nên cần trừ ra số tiền này. Như vậy anh T chị S còn nợ bà H đối với khoản vay này là 923.220.000 đồng (trong đó gốc 680.000.000 đồng và lãi là 243.220.000 đồng). Do đó cần buộc bị đơn anh T chị S phải trả cho bà Lý Thị H số tiền 923.220.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với giấy vay đề ngày 28/8/2023 và ngày 18/7/2023, theo chị S và bà H thống nhất thì đây là số tiền nợ riêng của chị S, chị S viết và ký vào giấy vay. Tuy nhiên trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất và không thể hiện thời điểm trả nợ, hai bên thống nhất thỏa thuận bằng miệng thời hạn trả nợ là 01 năm nhưng không ghi vào giấy vay. Do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi và không có thời hạn. Nhưng ngày 05/2/2026 bà H đã gửi thông báo đòi nợ cho chị S. Vì vậy việc bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu chị S trả số tiền này là đúng quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Chị S và bà H đều thống nhất cho rằng đây là khoản tiền lãi của các khoản vay trước. Nên việc bà H chỉ yêu cầu chị S trả số tiền 140.400.000 đồng là đúng quy định, cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn anh Trần Huy T và chị Vũ Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền vay chung là 923.220.000 đồng (trong đó gốc 680.000.000 đồng và lãi là 243.220.000 đồng); chị Vũ Thị S phải chịu án phí của số tiền vay riêng là 140.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị H.

2.1. Buộc anh Trần Huy T và chị Vũ Thị S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Lý Thị H số tiền 923.220.000 đồng (trong đó gốc 680.000.000 đồng và lãi là 243.220.000 đồng) theo giấy vay tiền ngày 28 tháng 8 năm 2023 âm lịch tức ngày 12/10/2023 dương lịch.

2.2. Buộc chị Vũ Thị S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Lý Thị H số tiền 140.400.000 đồng theo giấy vay ngày 28/8/2023 và ngày 18/7/2023.

3. Về án phí: Anh Trần Huy T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.848.000 đồng; chị Vũ Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.848.000 đồng và 7.020.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Lý Thị H số tiền tạm ứng án phí 21.069.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001626 ngày 11/3/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn khác cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà